

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng
tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông báo số 2285-TB/TU ngày 20 tháng 8 năm 2020 Tỉnh ủy Kiên Giang về việc Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấp thuận chủ trương cho ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông báo số 140/TB-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 212/TTr-STC ngày 29 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Nhà nước; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; đơn vị sự nghiệp công lập; Ban Quản lý dự án sử dụng vốn Nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.



Điều 2. Nguyên tắc áp dụng, sử dụng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch mua sắm, điều chuyển xe ô tô chuyên dùng.

2. Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực và đúng mục đích theo quy định.

3. Xe ô tô chuyên dùng phải in rõ trên thành xe logo cơ quan, đơn vị sử dụng; dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị có quy định tiêu chuẩn, định mức và các cơ quan, tổ chức, đơn vị không có quy định tiêu chuẩn, định mức tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) không có nhu cầu sử dụng xe ô tô chuyên dùng thường xuyên thì có thể thuê dịch vụ xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP nhưng phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng

Trường hợp cần thiết do nhu cầu cấp bách phải trang bị xe ô tô chuyên dùng vượt tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng, mức giá) quy định tại Quyết định này, thì giao cho UBND tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh) xem xét quyết định mua sắm, trang bị theo nhu cầu sử dụng thực tế cho từng trường hợp cụ thể nhưng phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời, chỉ đạo Sở Tài chính tổng hợp tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Điều 5. Quyết định mức giá mua xe ô tô chuyên dùng

1. Giao cho UBND tỉnh quyết định giá mua xe ô tô chuyên dùng đối với các loại xe chưa quy định mức giá tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp giá xe ô tô chuyên dùng phổ biến trên thị trường tăng cao hơn mức giá tối đa quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, thì giao cho UBND tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh) xem xét quyết định mua sắm, trang bị theo giá thị trường cho từng trường hợp cụ thể. Đồng thời, chỉ đạo Sở Tài chính tổng hợp tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch

UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Ban Quản lý dự án sử dụng vốn Nhà nước và tổ chức, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 9 năm 2020 và thay thế Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định chung loại, số lượng ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Kiên Giang;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh KG;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 7 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P.KT, P.TH;
- Lưu: VT, STC (3b), hthanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành



**Phụ lục I
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG
ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Dấu hiệu nhận biết xe chuyên dùng (In rõ trên thành xe)	Mục đích sử dụng
1	Văn phòng Tỉnh ủy	01	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Văn phòng Tỉnh ủy"	Phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc thù khối Đảng
2	Văn phòng HĐND tỉnh	01	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Văn phòng HĐND tỉnh"	Phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc thù của HĐND tỉnh
3	Văn phòng UBND tỉnh	01	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Văn phòng UBND tỉnh"	Phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc thù của UBND tỉnh
4	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	01	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Ban Tổ chức Tỉnh ủy"	Phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc thù khối Đảng
5	Ban Bảo vệ sức khỏe Cán bộ tỉnh Kiên Giang	01	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Ban Bảo vệ sức khỏe Cán bộ"	Chuyên bệnh, chăm sóc sức khỏe cán bộ
6	Ban Chỉ đạo 389	01	Xe bán tải	720	"Ban Chỉ đạo 389"	Phục vụ công tác quản lý thị trường
7	Ban An toàn Giao thông	01	Xe bán tải	720	"Ban An toàn Giao thông"	Kiểm tra, thanh tra giao thông
8	Sở Văn hóa và Thể thao	09				
8.1	Trung tâm Văn hóa tỉnh	02	Xe bán tải	1.200	"Xe sân khấu lưu động"	Làm sân khấu lưu động
			Xe trên 16 chỗ	1.800	"Xe chở diễn viên, Đội Thông tin lưu động"	Chở diễn viên, đội viên, Đội Thông tin lưu động đi biểu diễn



Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Dấu hiệu nhận biết xe chuyên dùng (In rõ trên thành xe)	Mục đích sử dụng
8.2	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT	01	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Xe vận động viên thể thao"	Chở vận động viên thể thao
8.3	Đoàn Nghệ thuật Khmer	02	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Xe chở diễn viên"	Chở diễn viên đi biểu diễn
			Xe tải	1.000	"Xe chở thiết bị sân khấu"	Chở thiết bị sân khấu
8.4	Đoàn Cải lương nhân dân	02	Xe tải	1.000	"Xe chở thiết bị sân khấu"	Chở thiết bị sân khấu
			Xe trên 16 chỗ	1.800	"Xe chở diễn viên"	Chở diễn viên đi biểu diễn
8.5	Công viên Văn hóa An Hòa	01	Xe tải	720	"Xe chở thiết bị"	Chở thiết bị chuyên dùng
8.6	Thư viện tỉnh	01	Xe bán tải	720	"Thư viện lưu động"	Phục vụ sách cho học sinh vùng sâu, vùng xa
9	Sở Tài nguyên và Môi trường: 05					
9.1	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	01	Xe bán tải	720	"Xe phục vụ chi trả bồi thường"	Phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
9.2	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	01	Xe bán tải	720	"Xe vận chuyên thiết bị đo đạc"	Chở thiết bị đo đạc, lập bản đồ
9.3	Chi cục Bảo vệ Môi trường	01	Xe bán tải	720	"Xe thu gom, vận chuyên rác thải nguy hại"	Kiểm soát môi trường
9.4	Văn phòng Đăng ký đất đai	02	Xe bán tải	720	"Xe chở thiết bị đo đạc và phơi giấy CNQSD đất"	Chở thiết bị đo đạc và phơi giấy CNQSD đất
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 18					
10.1	Chi cục Kiểm lâm	09	02 Xe PCCC	1.800	"Xe kiểm lâm cơ động", "Xe chở dụng cụ PCCC rừng"; "Xe chở tang vật chặt phá rừng"	Chở phương tiện, dụng cụ PCCC rừng và tang vật kiểm tra, kiểm soát lâm sản chống chặt phá rừng, bảo vệ rừng cho các đội kiểm lâm cơ động
			04 Xe tải	720		
			02 Xe bán tải	720		
			01 Xe bồn	2.700		

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Dấu hiệu nhận biết xe chuyên dùng (In rõ trên thành xe)	Mục đích sử dụng
10.2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	02	Xe bán tải	720	"Xe chở dụng cụ phòng chống dịch, bệnh thú y"	Chở mẫu phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh thú y
			Xe tải	720		
10.3	Trung tâm Giống NLNN	01	Xe bán tải	720	"Xe chở giống cây trồng, vật nuôi"	Chở giống cây trồng, vật nuôi
10.4	Chi cục Thủy lợi	01	Xe 08 chỗ	720	"Xe hộ đê - tìm kiếm cứu nạn"	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn
10.5	Ban Quản lý rừng Kiên Giang	01	Xe bán tải	720	"Xe kiểm tra, phòng chống cháy rừng"	Phục vụ kiểm tra, phòng chống cháy rừng
10.6	Trung tâm khuyến nông	01	Xe bán tải	720	"Xe trung tâm khuyến nông"	Phục vụ chương trình triển khai khuyến nông, phục vụ sản xuất
10.7	Chi cục Thủy sản	01	Xe bán tải	720	"Xe chi cục thủy sản"	Phục vụ tuần tra phòng chống thiên tai, khảo sát giống nuôi trồng thủy sản
10.8	Chi cục Trồng trọt và BVTV	01	Xe bán tải	720	"Xe Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật"	Phục vụ xử lý, chở thuốc bảo vệ thực vật
10.9	Chi cục phát triển nông thôn	01	Xe bán tải	720	"Xe Chi cục Phát triển nông thôn"	Phục vụ chương trình ngành nghề nông thôn
11	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: 06					
11.1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	02	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Xe chở đối tượng xã hội"	Chở các đối tượng xã hội và chở lương thực, thực phẩm
			Xe tải	720	"Xe Trung tâm bảo trợ xã hội Kiên Giang"	

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Dấu hiệu nhận biết xe chuyên dùng (In rõ trên thành xe)	Mục đích sử dụng
11.2	Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng	02	Xe bán tải	720	"Xe chở bệnh nhân và lương thực"	Chở đối tượng cai nghiện ma túy bị bệnh và chở lương thực, thực phẩm
11.3	Trung tâm Dịch vụ việc làm	01	Xe bán tải	720	Phục vụ tư vấn việc làm	Phục vụ tư vấn, dịch vụ việc làm trong tỉnh
11.4	Trường TC nghề Dân tộc nội trú	01	Xe bán tải	720	Chở thiết bị dạy học	Chở thiết bị phục vụ dạy học ngoài trường
12	Sở Khoa học và Công nghệ: 03					
12.1	Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Môi trường	02	Xe bán tải	720	"Xe chở thiết bị giám sát, lấy mẫu"	Chở thiết bị giám sát, lấy mẫu
			Xe tải	720	"Xe chở thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo"	Chở thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo
12.2	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	01	Xe bán tải	720	"Xe chở thiết bị kiểm tra về đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa"	Chở thiết bị kiểm tra về đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa
13	Sở Giao thông vận tải: 13					
	Thanh tra Giao thông	13	01 Xe 08 chỗ	720	"Xe thanh tra giao thông"	Thanh tra giao thông và chở thiết bị cố định, chở tang vật
			02 Xe bán tải	720		
			09 Xe tải	720	"Xe chở thiết bị, tang vật"	
			01 Xe trạm cân	2.500	"Xe trạm cân"	
14	Vườn Quốc gia Phú Quốc	04	01 Xe bán tải	720	"Xe chở thiết bị PCCC"	Chở thiết bị PCCC
			02 Xe tải	470	"Xe chở thiết bị PCCC"	Chở thiết bị PCCC
			01 Xe bồn	2.700	"Xe chở nước PCCC"	Chở nước PCCC

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Dấu hiệu nhận biết xe chuyên dùng (In rõ trên thành xe)	Mục đích sử dụng
15	Vườn Quốc gia U Minh Thượng	01	Xe bán tải	720	"Xe chở thiết bị PCCC"	Chở thiết bị PCCC
16	Trường Cao đẳng Kiên Giang	Theo nhu cầu thực tế	Theo nhu cầu thực tế	Do UBND tỉnh quyết định	"Xe tập lái"	Dạy lái xe các hạng B,C,D,E
17	Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	Theo nhu cầu thực tế	Theo nhu cầu thực tế		"Xe tập lái"	Dạy lái xe các hạng B,C,D,E
18	Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	03	02 Xe truyền hình lưu động	Do UBND tỉnh quyết định	"Xe truyền hình lưu động" "Xe phát thanh lưu động" và "Xe chở thiết bị thông tin lưu động"	Chở thiết bị phát thanh truyền hình; xe đi trực tiếp phát thanh lưu động; ghi hình, ngoại cảnh, tọa đàm trực tiếp
			01 Xe bán tải	720		
19	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới	01	Xe bán tải	720	"Xe VP Điều phối Nông thôn mới"	Thăm tra, thăm định và công bố xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới
20	Trường Chính trị Kiên Giang	01	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Xe chở giảng viên, học viên"	Chở giảng viên, học viên

Phụ ghi:

- Xe trên 16 chỗ: 11 xe.
- Xe bán tải: 30 xe.
- Xe tải: 21 xe.
- Xe truyền hình lưu động: 02 xe.
- Xe bồn, PCCC, xe trạm cân: 05 xe.
- Xe ô tô : 02 xe

**Phụ lục II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG
ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Dấu hiệu nhận biết xe chuyên dùng (In rõ trên thành xe)	Mục đích sử dụng
1	Thành phố Rạch Giá: 14					
1.1	Đội Kiểm tra trật tự đô thị	04	03 Xe tải	470	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
			01 Xe bán tải	720	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
1.2	UBND các (10) xã, phường	10	Xe tải	470	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
2	Thành phố Hà Tiên: 16					
2.1	Ban Công trình công cộng thành phố Hà Tiên	10	05 Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác, ép rác, cuốc rác phun nước, rút hầm cầu, sửa chữa lưu động
			02 Xe tải	470	"Xe chở rác"	
			03 Xe bồn	2.700	"Xe công trình công cộng"	
2.2	UBND các (06) xã, phường	06	Xe tải	470	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
3	Huyện Kiên Lương: 09					
3.1	Trung tâm Văn hóa Thể thao và Du lịch	01	Xe bán tải	720	"Xe thông tin lưu động"	Thông tin lưu động
3.2	Ban Quản lý Công trình công cộng	06	04 Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác, ép rác, cuốc rác phun nước, rút hầm cầu, sửa chữa lưu động
			02 Xe bồn	2.700	"Xe phun nước"	
3.3	Đội Quản lý trật tự đô thị	01	Xe tải	470	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
3.4	UBND thị trấn Kiên Lương	01	Xe tải	470	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị



Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Dấu hiệu nhận biết xe chuyên dùng (In rõ trên thành xe)	Mục đích sử dụng
4	Huyện Phú Quốc: 54					
4.1	Văn phòng Huyện ủy	01	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Xe chở đoàn công tác"	Chở khách đoàn công tác
4.2	Văn phòng UBND huyện	01	Xe trên 16 chỗ	1.800	"Xe chở đoàn công tác"	Chở khách đoàn công tác
4.3	Ban Quản lý Công trình công cộng	20	13 Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác, ép rác, cuốc rác phun nước, rút hầm cầu, sửa chữa lưu động
			04 Xe tải ben	1.000	"Xe chở rác, VLXD"	
			03 Xe bồn	2.700	"Xe công trình công cộng"	
4.4	Đoạn Quản lý đường bộ	11	04 Xe tải 14 tấn	1.800	"Xe sửa chữa cầu đường"	Chở vật liệu xây dựng và sửa chữa cầu đường
			02 Xe tải 10 tấn	1.200		
			02 Xe tải 5 tấn	800		
			02 Xe tải nhỏ	470		
			01 Xe bán tải	720		
4.5	Trung tâm Văn hóa Thể thao và Du lịch	01	Xe tải/bán tải	470/720	"Xe thông tin lưu động"	Thông tin lưu động
4.6	Đội Quản lý trật tự đô thị	04	Xe tải/ bán tải	470/720	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
4.7	UBND thị trấn Dương Đông và thị trấn An Thới	04	Xe bán tải	720	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
4.8	UBND các xã	12	Xe tải/ bán tải	470/720	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
5	Huyện Gò Quao: 04					
	Phòng Kinh tế hạ tầng	04	03 Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe chở rác"	Chở rác
			01 Xe tải	470		

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Dấu hiệu nhận biết xe chuyên dùng (In rõ trên thành xe)	Mục đích sử dụng
6	Huyện Châu Thành: 05					
6.1	Phòng Văn hóa thông tin	01	Xe bán tải	720	"Xe thông tin lưu động"	Thông tin lưu động
6.2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	03	Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác
6.3	Đội Kiểm tra trật tự đô thị	01	Xe tải	470	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
7	Huyện Giồng Riềng : 04					
7.1	Phòng Văn hóa thông tin	01	Xe bán tải	720	"Xe thông tin-lưu động"	Thông tin lưu động
7.2	BQL chợ và các CTCC	03	Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác
8	Huyện Giang Thành: 03					
8.1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	02	Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác
8.2	Phòng Văn hóa thông tin	01	Xe bán tải	720	"Xe thông tin lưu động"	Thông tin lưu động
9	Huyện Hòn Đất: 03					
	Phòng Kinh tế	03	Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác
10	Huyện Tân Hiệp: 04					
10.1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	03	Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác
10.2	Phòng Văn hóa thông tin	01	Xe bán tải	720	"Xe thông tin lưu động"	Thông tin lưu động
11	Huyện An Biên: 05					
11.1	Phòng Kinh tế hạ tầng	03	02 Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác
			01 Xe tải	470	"Ban An toàn Giao thông"	Kiểm tra, thanh tra giao thông
11.2	Đội Kiểm tra trật tự đô thị	01	Xe tải	470	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
11.3	Phòng Văn hóa thông tin	01	Xe bán tải	720	"Xe thông tin lưu động"	Thông tin lưu động

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Dấu hiệu nhận biết xe chuyên dùng (In rõ trên thành xe)	Mục đích sử dụng
12	Huyện An Minh: 03					
	Phòng Tài nguyên và Môi trường	03	02 Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác
			01 Xe tải	470	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
13	Huyện U Minh Thượng: 03					
	Phòng Tài nguyên và Môi trường	03	02 Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác
			01 Xe tải	470	"Xe quản lý trật tự đô thị"	Quản lý trật tự đô thị
14	Huyện Vĩnh Thuận: 03					
14.1	Ban Quản lý Chợ thị trấn Vĩnh Thuận	02	Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác
14.2	Phòng Văn hóa thông tin	01	Xe bán tải	720	"Xe Thông tin lưu động"	Thông tin lưu động
15	Huyện Kiên Hải: 04					
	Phòng Kinh tế hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường	04	Xe ép rác	1.300-2.500	"Xe ép rác"	Chở rác

Phụ ghi:

- Xe trên 16 chỗ: 02 xe
- Xe bán tải, Xe tải: 73 xe
- Xe bồn: 08 xe
- Xe ép rác: 51 xe

KIẾN